

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 12 -2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình;

2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Có đơn vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số M, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Nguyễn Trường S chung sống với nhau từ năm 2012 có tiền hành đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/3/2012. Hôn nhân giữa bà C và ông S là hoàn toàn tự

nguyện. Sau khi kết hôn bà C và ông S đều làm công nhân, cuộc sống hạnh phúc được vài năm cho đến năm 2019 thì vợ chồng giữa bà C và ông S luôn bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do ông S có người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Hiện tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông S không còn. Bà C đề nghị được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà C và ông S có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/4/2013. Hiện con chung đang sống với bà C và bà C đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Trường S: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, Nng ông S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị C.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho ông S. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng, bị đơn ông Nguyễn Trường S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tổ tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trường S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S và bà C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Trường S: Bà C, ông S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2012 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà C trình bày: Vợ chồng bà đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S có người phụ nữ khác, hai người đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, bà C có nguyện vọng được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và không có thiện chí trong việc muốn đoàn tụ gia đình với bà C.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C, ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà C là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Khi ly hôn, bà C đề nghị được nuôi con là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 18/4/2013. Quá trình giải quyết vụ án ông S cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của bà C. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà C là căn cứ sở để chấp nhận.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với ông Nguyễn Trường S.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Phạm Thị C phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với ông Nguyễn Trường S về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Trường S.

- Về con chung: Bà Phạm Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 18/4/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0051310 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Trường S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã K. H. T. T. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương